TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2025/HNGĐ-ST
Ngày 31-3-2025
V/v: "Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Duyên Văn Hiền**

2. Ông **Trần Hoàng Nghiệp**

***- Thư ký phiên tòa**:* Bà **Nguyễn Cẩm Hường** - Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025 về việc "Tranh chấp Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1992.

2. Bị đơn: Chị **Đặng Thị Yến N**, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau

(Nguyên đơn và Bị đơn đều đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh **Nguyễn Văn S** trình bày:

Về hôn nhân: Nguyên đơn và chị N xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau

Nay, Nguyên đơn nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung Nguyễn Khánh L, sinh ngày 21/11/2013 (giới tính: Nam) và cháu Nguyễn Hoài Â ngày 25/11/2015 (giới tính: Nam). Hiện cháu L1 sống chung với Nguyên đơn, còn cháu Â1 sống chung với chị NKhi ly hôn, Nguyên đơn yêu cầu giải quyết cho Nguyên đơn được quyền nuôi dưỡng cháu L2 cháu Â2 chị Ntiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp nuôi dưỡng.

Về tài sản, nợ: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định.

- Đối với bị đơn chị **Đặng Thị Yến N**: Từ khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt, niêm yết đúng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Vụ án, được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do bị đơn vắng mặt.

Vụ án ở giai đoạn chuẩn bị xét xử, chị N1 cấp cho Toà án Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 25/3/2025, chị N2 bày:

Về hôn nhân: Thống nhất với ý kiến trình bày của anh S1, Bị đơn đồng ý ly hôn với anh S.

Về con chung: Thống nhất với ý kiến trình bày của anh S1, Bị đơn đồng ý nuôi dưỡng cháu Â3 cháu L cho anh Stiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp nuôi dưỡng.

Về tài sản, nợ: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, Bị đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án ghi nhận ý kiến của cháu L ngày 10/02/2025, cháu L3 nguyện vọng được sống chung với anh S; còn cháu Â thì Toà án chưa ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn và Bị đơn đã có yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Đối với Nguyên đơn và Bị đơn đều có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cần xét xử vắng mặt đối với Nguyên đơn và Bị đơn là phù hợp.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Được xác định là "Tranh chấp về Ly hôn", do Bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau Từ đó, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] **Về nội dung:**

[2.1] Về hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 24. Quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã P ngày 19/02/2013, cho thấy anh S và chị N3 được Ủy ban nhân dân xã P chứng nhận. Như vậy về mặt hôn nhân các đương sự là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án, anh S2 định: Quá trình chung sống, giữa anh S3 chị N3 phát sinh mâu thuẫn, không còn hạnh phúc và mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh S4 kiện để được ly hôn với chị N. Mặt khác, tại Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 25/3/2025 chị N4 nhất ly hôn với anh S

Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và có nghĩa vụ chung sống với nhau. Mặt khác, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình: "Điều 4. Ly hôn theo yêu cầu của một bên quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. 3. "Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được" là thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ: vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc vợ hoặc chồng;".

Xét, hôn nhân giữa anh S3 chị N đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự ly hôn giữa anh S3 chị N5 phù hợp với Điều 51; Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Giữa anh S3 chị N6 chung 02 người con là Nguyễn Khánh L4 ngày 21/11/2013 (giới tính: Nam) và cháu Nguyễn Hoài Â ngày 25/11/2015 (giới tính: Nam). Các đương sự xác định, cháu L1 sống chung với anh S5 cháu Â1 sống chung với chị NKhi ly hôn, đương sự yêu cầu giải quyết cho anh S6 quyền nuôi dưỡng cháu L2 cháu Â2 chị N7 dưỡng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: "...; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con". Như vậy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 31/3/2025 thì các cháu đã trên 07 tuổi, phải ghi nhận nguyện vọng của các cháu. Tại Biên bản ghi nhận ý kiến của Toà án đối với cháu L5 10/02/2025, cháu L3 nguyện vọng được sống chung với anh S, còn cháu Â5 Toà án chưa ghi nhận ý kiến được. Tuy nhiên, chị N8 ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu Â6 anh S7 ý.

Do đó Hội đồng xét xử, xét vì lợi ích của con chung, đảm bảo ổn định trong cuộc sống, cần giao cháu L cho anh S3 giao cháu Â2 chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, phù hợp với khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng, tài sản, nợ: Anh S3 chị N không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[3] **Về án phí**: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện, nên anh S8 chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 55, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn S.

1/ Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn S và chị Đặng Thị Yến N.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh L4 ngày 21/11/2013 (giới tính: Nam) cho anh Nguyễn Văn S và giao cháu Nguyễn Hoài Â ngày 25/11/2015 (giới tính: Nam) cho chị Đặng Thị Yến N9 đương sự được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp, bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3/ Về cấp dưỡng, tài sản, nợ: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết ở vụ án khác.

4/ Về án phí: Anh Nguyễn Văn S phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, đối trừ với số tiền 300.000 đồng mà anh S đã dự nộp tại Biên lai thu 0005117 ngày 10/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thành Quang